

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK G
TỈNH KON TUM
Số: 08/2018/QĐST- HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đăk G, ngày 22 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 13/2018/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 8 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Xuân T; Sinh năm 1974; Địa chỉ: Nhà số 328, đường Nguyễn Sinh S, tổ dân phố 4, thị trấn Plei K, huyện Ngọc H, tỉnh Kon Tum;

- Bị đơn: Ông Phạm Xuân B; Sinh năm: 1967; Địa chỉ: Thôn Măng L, xã Đăk M, huyện Đăk G, tỉnh Kon Tum;

Căn cứ vào các Điều 212; 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 10 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 10 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Ngô Thị Xuân T và ông Phạm Xuân B.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Ngô Thị Xuân T và ông Phạm Xuân B thuận tình ly hôn.

- Về con chung: bà Ngô Thị Xuân T và ông Phạm Xuân B thống nhất có 02 con chung tên là Phạm Ngô Anh K; sinh ngày 23/9/1999, hiện nay đã trưởng thành sống tự lập không liên quan đến việc cha mẹ ly hôn và cháu Phạm Thị Hà X; sinh ngày 29/9/2006. Các đương sự thống nhất: Bà T là người được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu X cho đến khi cháu X trưởng thành đủ 18 tuổi và sống tự lập được. Ông Phạm Xuân B có nghĩa vụ nộp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là cháu X 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/ tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày các đương sự ly hôn theo quyết định của Tòa án cho đến khi cháu X trưởng thành đủ 18 tuổi và sống tự lập được.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con (ông Phạm Xuân B) có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và các khoản nợ chung:

+ Các đương sự đều thống nhất; trong thời kỳ hôn nhân giữa các đương sự không có các khoản nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Các đương sự đều thống nhất; giữa các đương sự không còn có tài sản chung để chia, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm (*Ly hôn*): Bà Ngô Thị Xuân T và ông Phạm Xuân B thống nhất mỗi bên phải nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Áp dụng Điều 144; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; vận dụng nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 6 năm 2012; Công văn số 72/TANDTC-PC ngày 11/4/2017.

Ông Phạm Xuân B phải nộp 75.000 đồng (Bảy lăm nghìn đồng); Bà Ngô Thị Xuân T phải nộp 75.000 đồng (Bảy lăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Bà Ngô Thị Xuân T được chuyển số tiền 450.000 đồng mà bà đã nộp tạm ứng án phí ly hôn và cấp dưỡng nuôi con chung theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2010/0004579, ngày 16 tháng 8 năm 2018 thành tiền án phí; ông Phạm Xuân B phải nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung; ông B, bà T phải nộp các khoản tiền án phí nêu trên để nộp vào Ngân sách Nhà nước. Trả lại cho bà Ngô Thị Xuân T số tiền 375.000 đồng (Ba trăm bảy lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2010/0004579, ngày 16 tháng 8 năm 2018; nhận tiền tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk G, tỉnh Kon Tum.

Áp dụng Điều 357; khoản 4 Điều 466; khoản 1, 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự: Kể từ ngày bà Ngô Thị Xuân T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án (ông Phạm Xuân B) không trả số tiền cấp dưỡng nói trên hoặc cấp dưỡng chưa đủ thì bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TP Đà Nẵng;
- VKSND huyện Đắk G;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Chi cục THA huyện Đắk G;
- Ủy ban nhân dân xã Đức N, huyện Mộ Đ, tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN